

WWW.KWU.AC.KR

# **HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH DÀNH CHO DU HỌC SINH NĂM 2025**



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỮ KWANGJU**

# MỤC LỤC

## **[ĐẠI HỌC]**

I~II. Điều kiện tuyển sinh, đơn vị tuyển sinh .....	2
III. Giới thiệu khoa .....	3~4
IV~V. Lịch tuyển sinh, học phí & học bổng .....	5~7
VI. Ký túc xá .....	7
VII. Hồ sơ ứng tuyển .....	8

## **[CAO HỌC]**

I~III. Điều kiện tuyển sinh, đơn vị tuyển sinh, lịch tuyển sinh .....	9
II. Học phí & học bổng .....	10
III. Giới thiệu khoa .....	11~12

<b>[LƯU Ý ỨNG TUYỂN]</b> .....	<b>14</b>
--------------------------------	-----------

<b>[ĐỊA CHỈ, THÔNG TIN LIÊN LẠC]</b> .....	<b>15</b>
--	-----------

# HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỮ KWANGJU NĂM HỌC 2025

## I. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

Phân loại	Điều kiện đăng ký
Hệ tiếng Hàn	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người có TOPIK(TOPIK IBT) cấp 3 quốc gia trở lên. (Trường hợp là trường đại học được chứng nhận trong Hệ thống chứng nhận năng lực quốc tế hóa giáo dục, người thông qua kỳ thi TOPIK cấp 3 của trường.)</li> <li>Người có chứng chỉ cấp 3 trở lên hoặc đạt được 61 điểm lớp thi đầu vào chương trình Hòa nhập xã hội.</li> <li>Người hoàn thành lớp Tiếng Hàn Trung cấp 1 của học viện Sejong.</li> </ol>
Hệ tiếng Anh	<ol style="list-style-type: none"> <li>Các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức. - Các quốc gia áp dụng: Mỹ, Anh, Canada, Úc, New Zealand, Ireland, Nam Phi. - Đối với sinh viên tốt nghiệp từ các trường giảng dạy bằng tiếng Anh có thể thay thế bằng chứng chỉ tốt nghiệp của trường đó (chỉ công nhận đối với trường hợp tốt nghiệp từ bậc trung học phổ thông trở lên) và bắt buộc phải nộp tài liệu chứng minh.</li> <li>Người có chứng chỉ tiếng Anh - TOEFL 530, CBT 197, IBT 71, IELTS 5.5, TEPS 601 (NEW TEPS 327) trở lên</li> </ol>
Đại học năm nhất	<ol style="list-style-type: none"> <li>Cả bố mẹ và sinh viên đều là người nước ngoài.</li> <li>Người đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục tương đương với bậc tiểu học và trung học của Hàn Quốc trong nước hoặc ở nước ngoài và đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp)</li> </ol>
Đại học hệ chuyển tiếp	<ol style="list-style-type: none"> <li>Cả bố mẹ và sinh viên đều là người nước ngoài.</li> <li>[Chuyển tiếp vào năm 3] Người đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục tương đương với bậc tiểu học và trung học của Hàn Quốc trong nước hoặc ở nước ngoài, và đã hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành) ít nhất 2 năm tại một trường đại học hệ 4 năm trong nước hoặc nước ngoài, hoặc đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) trường cao đẳng chuyên nghiệp, và muốn chuyển tiếp vào năm 3 tại trường.</li> <li>[Chuyển tiếp vào năm 4] Chỉ áp dụng cho các trường đại học nước ngoài đã ký kết thỏa thuận liên quan đến hệ chuyển tiếp.</li> </ol>

## II. ĐƠN VỊ TUYỂN SINH

Phân loại	Khối ngành	Khoa	Năm nhất	Chuyển tiếp	Số lượng tuyển sinh
Hệ tiếng Hàn	Xã hội nhân văn	Khoa Dịch vụ Hàng không – Chuyên ngành Dịch vụ hàng không	–	○	○○người
		Khoa Dịch vụ Hàng không	○	–	
		Khoa Hành chính cảnh sát	○	○	
		Khoa Phúc lợi xã hội	○	○	
		Khoa Tư vấn tâm lý	○	○	
		Khoa Quốc tế – Chuyên ngành Giáo dục tiếng Hàn	–	○	
		Khoa Quốc tế – Chuyên ngành Giáo dục tiếng Anh toàn cầu	–	○	
		Khoa Quốc tế – Chuyên ngành Kinh doanh	–	○	

	Khoa học tự nhiên	Khoa Giáo dục tiếng Hàn	○	○
		Khoa Sức khỏe hành chính	○	○
		Khoa Nội dung thực phẩm dinh dưỡng	○	○
		Khoa Tổng hợp AI	–	○
		Khoa Nội dung truyền thông AI	○	–
		Khoa Khoa học làm đẹp – Chuyên ngành Làm đẹp	○	○
		Khoa Khoa học làm đẹp – Chuyên ngành Mỹ phẩm	○	○
	Năng khiếu	Khoa Kiến trúc thiết kế nội thất	○	○
		Khoa Thể thao	○	○
Hệ tiếng Anh	Xã hội nhân văn	Khoa Tổng hợp toàn cầu – Chuyên ngành TESOL	○	–
		Khoa Tổng hợp toàn cầu – Chuyên ngành Tổng hợp IT	○	–
		Khoa Tổng hợp toàn cầu – Chuyên ngành Bigdata AI	○	–

### III. GIỚI THIỆU KHOA

#### [HỆ TIẾNG HÀN]

##### 1. KHOA DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia hàng không có kỹ năng thực tiễn và tư duy quốc tế.
- Đào tạo 420 tiếp viên hàng không làm việc trên các chuyến bay quốc tế tại các hãng hàng không trong và ngoài nước.
- Đào tạo 300 nhân sự trúng tuyển vào các vị trí tiếp viên hàng không, nhân viên mặt đất tại sân bay, ngành đường sắt, du thuyền và khách sạn cao cấp trong và ngoài nước.

##### 2. KHOA HÀNH CHÍNH CẢNH SÁT

- Mục tiêu: Đào tạo nữ cảnh sát và chuyên gia trong lĩnh vực an ninh.
- Vận hành võ đường chuyên dụng để thực hành các môn võ như kiếm đạo, judo, taekwondo và hapkido.
- Tổ chức thực tập thực tế, chương trình cố vấn với cựu sinh viên đã có việc làm và phỏng vấn mô phỏng tuyển dụng vào ngành cảnh sát.

##### 3. KHOA PHÚC LỢI XÃ HỘI

- Mục tiêu: Đào tạo những chuyên gia công tác xã hội có trách nhiệm đối với phúc lợi cộng đồng.
- Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực nghề nghiệp để hoạt động trong các lĩnh vực như trung tâm công tác xã hội tổng hợp, phúc lợi cho trẻ em, thanh thiếu niên, người khuyết tật, người cao tuổi và cộng đồng đa văn hóa.

##### 4. KHOA TƯ VẤN TÂM LÝ

- Mục tiêu: Đào tạo chuyên gia tâm lý với khả năng thực hành tư vấn cần thiết trong thực tế.
- Hướng nghiệp sau khi tốt nghiệp: Các trung tâm hỗ trợ đa văn hóa, trung tâm tư vấn thanh thiếu niên, trung tâm tư vấn rượu, trung tâm tư vấn phụ nữ, trung tâm tư vấn đại học, trung tâm tư vấn bạo lực gia đình, phòng tư vấn cá nhân, cơ sở phát triển và đào tạo kiểm tra tâm lý, v.v.

## 5. KHOA QUỐC TẾ

- **[Chuyên ngành Giáo dục Tiếng Anh Toàn cầu]** Đào tạo chuyên gia giáo dục Tiếng Anh cho trẻ em (từ 3 đến 12 tuổi) và chuyên gia giáo dục Tiếng Anh quốc tế.  
✧ Có thể nhận chứng chỉ **TESOL (Giảng viên Tiếng Anh quốc tế)**, **CETS-TESOL (Giảng viên Tiếng Anh cho trẻ em quốc tế)**, và chứng chỉ **Hướng dẫn Đọc sách Tiếng Anh**.
- **[Chuyên ngành Giáo dục Tiếng Hàn]** Đào tạo chuyên gia giáo dục Tiếng Hàn với năng lực đồng cảm đa văn hóa và khả năng lãnh đạo cộng đồng, đóng góp vào việc toàn cầu hóa Tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc. ✧ Có thể nhận **chứng chỉ Giảng viên Tiếng Hàn cấp 2**.
- **[Chuyên ngành Kinh doanh]** Đào tạo chuyên gia thực tế về doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của các công ty toàn cầu trong và ngoài nước.  
Hướng nghiệp sau khi tốt nghiệp: Nhà hoạch định sản phẩm, tư vấn viên quản lý, chuyên gia nghiên cứu và phân tích tại các tổ chức khảo sát công luận, v.v.

## 6. KHOA GIÁO DỤC TIẾNG HÀN

- Trang bị năng lực đồng cảm đa văn hóa, năng lực lãnh đạo cộng đồng, đào tạo các chuyên gia giáo dục tiếng Hàn góp phần vào sự toàn cầu hóa của tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc. ✧ Có thể nhận **chứng chỉ Giảng viên Tiếng Hàn cấp 2**.

## 7. KHOA SỨC KHỎE HÀNH CHÍNH

- Mục tiêu: Đào tạo nhân lực chuyên môn trong lĩnh vực công nghiệp y tế và sức khỏe, liên quan đến việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.
- Hướng nghiệp sau khi tốt nghiệp: Quản lý thông tin y tế, chuyên viên hành chính bệnh viện, nghiên cứu viên tại các tổ chức y tế, điều phối viên bệnh viện.

## 8. KHOA NỘI DUNG THỰC PHẨM DINH DƯỠNG

- Mục tiêu: Đào tạo kiến thức chuyên môn về quản lý thực phẩm, vệ sinh, nghiên cứu phát triển, và cung cấp đào tạo nấu ăn cho các lĩnh vực cà phê, bánh tráng miệng, thức ăn cho thú cưng.
- Hướng nghiệp sau khi tốt nghiệp: Quản lý chất lượng thực phẩm, nhà phát triển thực phẩm, barista, sản xuất thức ăn cho thú cưng, người sáng tạo nội dung thực phẩm.

## 9. KHOA NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG AI (năm nhất) / KHOA TỔNG HỢP AI (chuyên tiếp)

- Mục tiêu: Đào tạo các chuyên gia nữ sáng tạo với khả năng thực tế trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI) và truyền thông thực tế (AR, VR).
- Hướng nghiệp sau khi tốt nghiệp: Chuyên gia phân tích dữ liệu lớn, chuyên gia nội dung AR/VR, chuyên gia đồ họa máy tính.

## 10. KHOA KHOA HỌC LÀM ĐẸP (Chuyên ngành Làm đẹp / chuyên ngành Mỹ phẩm)

- Mục tiêu: Đào tạo nhân lực chuyên môn trong các lĩnh vực chăm sóc da, tóc, trang điểm, nghệ thuật làm móng và mỹ phẩm.
- Là khoa làm đẹp đầu tiên tại Hàn Quốc với chương trình đào tạo cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ.
- Hướng nghiệp sau khi tốt nghiệp: [Giáo dục] Giảng viên tại các cơ sở đào tạo làm đẹp và mỹ phẩm; [Thực tế] Tiệm làm tóc, tiệm chăm sóc da, cửa hàng chuyên về móng, phòng chăm sóc da đầu và rụng tóc, cửa hàng cưới, nhà nghiên cứu mỹ phẩm, nhà chế tạo nước hoa, quản lý thương hiệu mỹ phẩm, v.v.

## 11. KHOA KIẾN TRÚC THIẾT KẾ NỘI THẤT

- Mục tiêu: Đào tạo các chuyên gia thiết kế không gian nội thất, quản lý không gian nội thất.
- Cung cấp đào tạo về thiết kế nội thất bao gồm vật liệu, màu sắc, đồ nội thất, chiếu sáng và các kỹ năng sử dụng máy tính để trở thành nhà thiết kế không gian chuyên nghiệp.
- Tham gia các cuộc thi thiết kế quốc gia hàng năm, tham gia hoạt động tình nguyện để phát triển và quản lý sự nghiệp liên tục.

## 12. KHOA THỂ THAO

- Mục tiêu: Đào tạo các chuyên gia huấn luyện thể thao nữ và chuyên gia ngành công nghiệp thể thao.
- Hướng nghiệp sau khi tốt nghiệp: Huấn luyện viên thể thao cho cộng đồng, huấn luyện viên yoga và pilates, huấn luyện viên phục hồi chức năng, nhà tiếp thị thể thao, v.v.

## [HỆ TIẾNG ANH]

### 1. KHOA TỔNG HỢP TOÀN CẦU

- **[Thông tin chung]** Sau khi hoàn thành chương trình giáo dục chung trong học kỳ đầu tiên, sinh viên sẽ lựa chọn chuyên ngành cụ thể từ học kỳ thứ hai.
- **[Chuyên ngành TESOL]** Đào tạo chuyên gia giáo dục tiếng Anh cho trẻ em (3-12 tuổi), chuyên gia giáo dục tiếng Anh quốc tế.  
※ Có thể đạt chứng chỉ **TESOL (Giấy chứng nhận giáo viên tiếng Anh quốc tế)**, **CETS-TESOL (Giấy chứng nhận giáo viên tiếng Anh cho trẻ em quốc tế)**, và chứng chỉ **Hướng dẫn đọc sách tiếng Anh**.
- **[Chuyên ngành Tổng hợp IT]** Đào tạo các mô hình kinh doanh mới kết hợp công nghệ hội tụ IT với kinh doanh, đào tạo chuyên gia quản lý hội tụ IT.
- **[Chuyên ngành Bigdata AI]** Đào tạo chuyên gia phân tích dữ liệu lớn và hội tụ AI, với kiến thức về máy tính và tư duy logic.

## IV. LỊCH TUYỂN SINH

### 1. Thời gian tuyển sinh

Phân loại	Nhận hồ sơ	Xét tuyển	Thông báo kết quả	Nộp học phí (Dự kiến)
Kỳ sau - đợt 1	04/03/2025 ~ 01/04/2025	12/05/2025 ~ 15/05/2025	16/05/2025	19/05/2025 ~ 23/05/2025
Kỳ sau - đợt 2	05/05/2025 ~ 23/05/2025	02/06/2025 ~ 13/06/2025	17/06/2025	30/06/2025 ~ 01/07/2025
Kỳ sau - đợt 3	09/06/2025 ~ 27/06/2025	07/07/2025 ~ 11/07/2025	18/07/2025	28/07/2025 ~ 29/07/2025
Kỳ sau - đợt 4	28/07/2025 ~31/07/2025	04/08/2025 ~ 08/08/2025	12/08/2025	21/08/2025 ~ 22/08/2025

# V. HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

Đơn vị: won(KRW)

Phân loại	Khối ngành	Khoa	Năm nhất	Chuyển tiếp
Hệ tiếng Hàn	Xã hội nhân văn	Dịch vụ Hàng không – Chuyên ngành Dịch vụ hàng không	-	2,865,000
		Dịch vụ Hàng không	2,865,000	-
		Hành chính cảnh sát	2,865,000	2,865,000
		Phúc lợi xã hội	2,865,000	2,865,000
		Tư vấn tâm lý	2,865,000	2,865,000
		Quốc tế – Chuyên ngành Giáo dục tiếng Hàn	-	2,865,000
		Quốc tế – Chuyên ngành Giáo dục tiếng Anh toàn cầu	-	2,865,000
		Quốc tế – Chuyên ngành Kinh doanh	-	2,865,000
		Giáo dục tiếng Hàn	2,865,000	-
	Khoa học tự nhiên	Sức khỏe hành chính	3,389,000	3,389,000
		Nội dung thực phẩm dinh dưỡng	3,389,000	-
		Tổng hợp AI	-	3,389,000
		Nội dung truyền thông AI	3,389,000	-
		Khoa học làm đẹp – Chuyên ngành Làm đẹp	3,781,000	3,781,000
		Khoa học làm đẹp – Chuyên ngành Mỹ phẩm	3,781,000	3,781,000
	Năng khiếu	Kiến trúc thiết kế nội thất	3,389,000	3,389,000
		Thể thao	3,389,000	-
Hệ tiếng Anh	Xã hội nhân văn	Tổng hợp toàn cầu – Chuyên ngành TESOL	2,865,000	-
		Tổng hợp toàn cầu – Chuyên ngành Tổng hợp IT	2,865,000	-
		Tổng hợp toàn cầu – Chuyên ngành Bigdata AI	2,865,000	-

※ Thông tin học phí theo tiêu chuẩn năm 2025 và có thể thay đổi theo quy định.

## [HỌC BỔNG HỆ TIẾNG HÀN]

Phân loại	Học bổng	Điều kiện	Tiêu chuẩn	Học bổng
Đại học	Học bổng cho sinh viên mới	Kết quả TOPIK khi nhập học	TOPIK trường hoặc TOPIK cấp 3 trở xuống	Giảm 30% học phí
			TOPIK cấp 3	Giảm 35% học phí
			TOPIK cấp 4	Giảm 50% học phí
			TOPIK cấp 5	Giảm 60% học phí
			TOPIK cấp 6	Giảm 70% học phí
	Học bổng cho sinh viên đang theo học	Điểm trung bình (điểm trung bình học kỳ trước phải trên 2.5 trở lên)	TOPIK cấp 3 trở xuống	Giảm 20% học phí
			TOPIK cấp 3	Giảm 30% học phí
			TOPIK cấp 4	Giảm 50% học phí
			TOPIK cấp 5	Giảm 60% học phí
			TOPIK cấp 6	Giảm 70% học phí

## [HỌC BỔNG HỆ TIẾNG ANH]

1. Sinh viên nhập học có chứng chỉ tiếng Anh chính thức

Chứng chỉ tiếng Anh	Phân loại	Điều kiện	Học bổng
IELTS 5.5, TOEFL 530, IBT 71, CBT 197, TEPS 601(NEW TEPS 327)	Học bổng cho sinh viên mới	-	60%
Sinh viên các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức.			
IELTS 5.5, TOEFL 530, IBT 71, CBT 197, TEPS 601(NEW TEPS 327)	Học bổng cho sinh viên đang theo học	Điểm trung bình học kỳ trước phải trên 2.5 trở lên	40%
IELTS 6.0, TOEFL 560, IBT 85, CBT 220, TEPS 650(NEW TEPS 355)			50%
IELTS 6.5, TOEFL 570, IBT 90, CBT 230, TEPS 701(NEW TEPS 387)			60%
IELTS 7.0, TOEFL 585, IBT 100, CBT 250, TEPS 750(NEW TEPS 419)			70%

2. Sinh viên các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc các quốc gia tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức: Học từ học kỳ 2 đến học kỳ 8 (trừ học kỳ đầu tiên)

Điểm trung bình	Học bổng
Trên 3.0 ~ dưới 3.5	40%
Trên 3.5 ~ dưới 4.0	45%
Trên 4.0 ~ dưới 4.2	50%
Trên 4.2 ~ dưới 4.5	60%
4.5	70%

3. Các ưu đãi khác (Áp dụng cho cả hệ tiếng Hàn và tiếng Anh)

- a. Hỗ trợ phí bảo hiểm tai nạn: Phí bảo hiểm 110,000won/năm.
- b. Hỗ trợ phí ký túc xá: Miễn phí học kỳ đầu tiên (16 tuần) cho sinh viên mới nhập học và sinh viên hệ chuyển tiếp (483,000won/phòng 4 người).

4. Học bổng TOPIK

a. Hỗ trợ lệ phí thi và học bổng TOPIK (Kỳ thi năng lực tiếng Hàn)

Phân loại	Học bổng TOPIK I		Học bổng TOPIK II			
Lệ phí thi	20,000won		27,000won			
Cấp	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6
Học bổng TOPIK	–	30,000won	100,000won	120,000won	120,000won	150,000won

※ Thông tin hỗ trợ lệ phí thi và học bổng TOPIK theo tiêu chuẩn năm 2025 và có thể thay đổi theo quy định.

VI. KÝ TÚC XÁ (Chỉ dành cho nữ sinh)

Phân loại	Phí ký túc xá	Nội dung
Phòng 2 người	798,000won / 16 tuần	<ul style="list-style-type: none"><li>○ Chăn gối cá nhân tự chuẩn bị</li><li>– Nếu yêu cầu trường hỗ trợ mua chăn gối, sẽ phát sinh chi phí riêng.</li><li>○ Chi phí ăn uống không bao gồm trong phí ký túc xá</li><li>– Phải mua phiếu ăn riêng.</li></ul>
Phòng 4 người	483,000won / 16 tuần	

※ Thông tin phí ký túc xá theo tiêu chuẩn năm 2025 và có thể thay đổi theo quy định hoặc thời gian đăng ký cư trú trong kỳ nghỉ.

#### IV. HỒ SƠ ỨNG TUYỂN ĐẠI HỌC

○ Bắt buộc / △ Nếu yêu cầu

STT	Phân loại	Năm nhất	Chuyển tiếp	Ghi chú
1	Đơn xin nhập học	○	○	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu đơn (Phòng tư liệu trang web chủ Phòng quan hệ quốc tế)</li> <li>- <a href="http://globalgate.kwu.ac.kr/index.do">globalgate.kwu.ac.kr/index.do</a></li> <li>→ Chọn [유학생 입학]</li> <li>→ Chọn [모집요강/신청서]</li> </ul>
2	Bản kế hoạch học tập	○	○	
3	Bản kế hoạch đóng học phí	○	○	
4	Bản đồng ý cho phép thu thập thông tin cá nhân	○	○	
5	Bảng tốt nghiệp và bảng điểm cấp học cao nhất	○	○	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp bản dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh<sup>2)</sup></li> <li>※ Bản gốc 2 bản: 1 bản nộp cho trường, 1 bản nộp cho đại sứ quán nước sở tại.</li> <li>- Nếu nội dung của học bạ hoặc bảng điểm có chỗ sai thì cần nộp bản gốc giấy tường trình (của trường hoặc hiệu trưởng).</li> <li>- Điều kiện cơ bản: Tuân theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, sinh viên dự kiến tốt nghiệp không thể nhận Giấy phép nhập học cho đến khi nộp đầy đủ Giấy chứng nhận tốt nghiệp có chứng nhận học lực.</li> </ul>
6	Chứng nhận học lực	○	○	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp bản dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh<sup>2)</sup></li> <li>※ Bản gốc 2 bản: 1 bản nộp cho trường, 1 bản nộp cho đại sứ quán nước sở tại.</li> <li>- Quy định riêng theo từng quốc gia: <ul style="list-style-type: none"> <li>· VIỆT NAM: Tem/dấu xác nhận của Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam hoặc Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.</li> </ul> </li> </ul>
7	Giấy xác nhận sinh viên	-	△	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp bản dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh<sup>2)</sup></li> <li>※ Bản gốc 2 bản: 1 bản nộp cho trường, 1 bản nộp cho đại sứ quán nước sở tại.</li> </ul>
8	Hộ chiếu bản thân	○	○	- Nộp bản sao
9	Chứng minh thư của bản thân và ba mẹ	○	○	- Nộp bản sao <sup>1)</sup>
10	Giấy xác nhận nghề nghiệp và chứng nhận thu nhập của ba mẹ	○	○	- Nộp bản dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh <sup>1)</sup>
11	Giấy chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng	○	○	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp bản gốc. (SV ở Hàn Quốc nộp tài khoản ở Hàn Quốc)<sup>2)</sup></li> <li>- Visa D2: \$13,000 trở lên (=16,000,000won trở lên)</li> </ul>
12	Chứng nhận quan hệ gia đình	△	△	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp bản dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh<sup>1)/2)</sup></li> <li>- Trong trường hợp có 2 hộ khẩu (hoặc không cùng hộ khẩu với ba mẹ) thì phải nộp kèm bản sao giấy khai sinh.</li> <li>- Nếu ba mẹ ly hôn thì phải nộp kèm bản sao giấy chứng nhận ly hôn.</li> <li>- Nếu ba mẹ qua đời thì nộp kèm bản sao giấy chứng tử.</li> </ul>
13	2 hình thẻ	○	○	- Hình 3x4cm ( <b>nền trắng</b> )
14	Bảng điểm tiếng Anh hoặc Bảng điểm TOPIK	○	○	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ tiếng Anh: Nộp bản gốc<sup>2)</sup></li> <li>- Hệ tiếng Hàn: Nộp bản gốc<sup>2)</sup></li> </ul>
15	Chứng minh thư Hàn Quốc	△	△	- Bản sao (cả 2 mặt trước, sau)

※ <sup>1)</sup>Ứng viên đang sống tại Hàn Quốc khi nộp đơn vào chương trình đại học có thể bỏ qua mục 9, 10, 12.

※ <sup>2)</sup>Tuy nhiên, nếu các tài liệu chứng minh trên không thể cấp thêm bản gốc (1 bản), cần đối chiếu kỹ giữa bản gốc và bản sao, sau đó trả lại bản gốc và nộp bản sao đã được xác nhận là bản sao đối chiếu với bản gốc.

# HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH CAO HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỮ KWANGJU NĂM HỌC 2025

## I. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

Phân loại	Điều kiện đăng ký
Quốc tịch	Cả ba mẹ và sinh viên đều là người nước ngoài.
Học lực	[Thạc sĩ] Người đã tốt nghiệp đại học và có bằng cử nhân từ các trường đại học trong và ngoài nước. [Tiến sĩ] Người đã có bằng thạc sĩ từ các trường đại học trong và ngoài nước. [Điều kiện chung] Người được công nhận có trình độ học vấn tương đương hoặc cao hơn theo quy định của pháp luật.
Hệ tiếng Hàn	1. Người có TOPIK(TOPIK IBT) cấp 3 quốc gia trở lên. (Trường hợp là trường đại học được chứng nhận trong Hệ thống chứng nhận năng lực quốc tế hóa giáo dục, người thông qua kỳ thi TOPIK cấp 3 của trường.) 2. Người có chứng chỉ cấp 3 trở lên hoặc đạt được 61 điểm lớp thi đầu vào chương trình Hòa nhập xã hội. 3. Người hoàn thành lớp Tiếng Hàn Trung cấp 1 của học viện Sejong.
Hệ tiếng Anh	1. Các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức. - Các quốc gia áp dụng: Mỹ, Anh, Canada, Úc, New Zealand, Ireland, Nam Phi. - Người đã tốt nghiệp cử nhân và thạc sĩ từ các trường đại học ở các quốc gia nói tiếng Anh có thể được miễn yêu cầu điểm thi tiếng Anh chính thức. 2. Người có chứng chỉ tiếng Anh - TOEFL 530, CBT 197, IBT 71, IELTS 5.5, CEFR B2 162, TEPS 601 (NEW TEPS 327) trở lên

※ Các thông tin chi tiết khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn tuyển sinh trên trang web trường.

## II. ĐƠN VỊ TUYỂN SINH

Phân loại	Khối ngành		Khoa	Thời gian học	Buổi học	Số lượng tuyển sinh
Tiến sĩ	Cao học hệ thường	Hệ tiếng Hàn	Khoa Khoa học làm đẹp	2 năm	Buổi sáng	○○người
Thạc sĩ	Cao học hệ thường	Hệ tiếng Hàn	Khoa Khoa học làm đẹp Khoa Giáo dục tiếng Anh cho trẻ em Khoa Hàng không du lịch Khoa Thực phẩm dinh dưỡng	2 năm	Buổi sáng	○○người
	Cao học hệ đặc biệt	Hệ tiếng Hàn	Khoa Phúc lợi xã hội Khoa Luật cảnh sát Khoa Giáo dục tiếng Hàn	2 năm	Buổi tối	○○người
		Hệ tiếng Anh	Khoa TESOL Khoa K-BEAUTY	2 năm	Buổi tối	○○người

#### IV. LỊCH TUYỂN SINH

- Hình thức tuyển sinh: Kỳ đầu từ tháng 10/2024 ~ tháng 1/2025  
Kỳ sau từ tháng 5/2025 ~ tháng 7/2026  
(Tham khảo thông tin cụ thể trên trang web trường)
- Đánh giá hồ sơ: Đánh giá tổng hợp thông qua các thông tin như đơn nhập học, học lực, xác nhận sinh viên/tốt nghiệp, điểm TOPIK, v.v.

#### IV. HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

- Học phí Đơn vị: won(KRW)

Phân loại	Khối ngành	Khoa	Sinh viên mới			Tổng
			Phí nhập học	Học phí	Phí nộp hồ sơ	
Tiến sỹ	Cao học hệ thường	Khoa Khoa học làm đẹp	600,000	5,139,000	50,000	5,789,000
Thạc sỹ	Cao học hệ thường	Khoa Khoa học làm đẹp		4,040,000		4,690,000
		Khoa Giáo dục tiếng Anh cho trẻ em		3,390,000		4,040,000
		Khoa Hàng không du lịch		3,390,000		4,040,000
		Khoa Thực phẩm dinh dưỡng		4,040,000		4,690,000
	Cao học hệ đặc biệt	Khoa Phúc lợi xã hội		3,129,000		3,779,000
		Khoa Luật cảnh sát		3,129,000		3,779,000
		Khoa Giáo dục tiếng Hàn		3,129,000		3,779,000
	Hệ tiếng Anh	Khoa TESOL		3,129,000		3,779,000
		Khoa K-BEAUTY		3,360,000		3,960,000

※ Thông tin học phí theo tiêu chuẩn năm 2025 và có thể thay đổi theo quy định.

- Học bổng

Phân loại	Học bổng	Hồ sơ cần nộp	Mục khác
TOPIK cấp 3 trở xuống	Giảm 30% học phí	Bảng điểm TOPIK	Chỉ công nhận TOPIK quốc gia
TOPIK cấp 4	Giảm 50% học phí		
TOPIK cấp 5	Giảm 60% học phí		
TOPIK cấp 6	Giảm 70% học phí	Bảng điểm tiếng Anh	-
IELTS 5.5, TOEFL 530, IBT 71, CBT 197, TEPS 601(NEW TEPS 327), CEFR B2(Score 162-168)	Giảm 40% học phí		
IELTS 6.0, TOEFL 560, IBT 85, CBT 220, TEPS 650(NEW TEPS 355), CEFR B2(Score 169-175)	Giảm 50% học phí		
IELTS 6.5, TOEFL 570, IBT 90, CBT 230, TEPS 701(NEW TEPS 387), CEFR B2/C1(Score 176-184)	Giảm 60% học phí		
IELTS 7.0, TOEFL 585, IBT 100, CBT 250, TEPS 750(NEW TEPS 419), CEFR C1(Score 185-)	Giảm 70% học phí	-	-
Sinh viên các quốc gia có tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức.	Giảm 50% học phí		

※ Thông tin học bổng theo tiêu chuẩn năm 2025 và có thể thay đổi theo quy định.

## V. GIỚI THIỆU KHOA

### 1. Chương trình thạc sĩ, tiến sĩ - Khoa học làm đẹp

- Khoa Khoa học Làm đẹp của trường được thành lập vào năm 2002 với tên gọi Trường Đại học Khoa học Làm đẹp. Vào năm 2007, khoa đã mở thêm hệ thạc sĩ và tiến sĩ, trở thành một trường đại học chuyên ngành, khẳng định hệ thống học thuật vững chắc trong lĩnh vực làm đẹp. Khoa Khoa học Làm đẹp thực hiện giáo dục lý thuyết có hệ thống và đào tạo kỹ thuật làm đẹp thực tế. Bằng cách kết hợp lý thuyết và kỹ thuật làm đẹp, khoa đào tạo ra các giáo viên giỏi trong lĩnh vực giáo dục làm đẹp và các chuyên gia trong các lĩnh vực tóc, chăm sóc da, trang điểm, làm móng và mỹ phẩm.
- Sinh viên sẽ hoàn thành chương trình học với các môn học như làm tóc, chăm sóc da, trang điểm và mỹ phẩm. Các nghiên cứu và dự án hợp tác với các tổ chức làm đẹp và các ngành liên quan, nghiên cứu và giáo dục thông qua các Viện nghiên cứu làm đẹp và Viện nghiên cứu da lâm sàng đang được thực hiện. Điều này giúp phát triển kiến thức chuyên môn về làm đẹp, khả năng nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật, đồng thời thiết lập một hệ thống giáo dục giúp đào tạo các chuyên gia và lãnh đạo trong ngành làm đẹp có khả năng thực hành nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật trong lĩnh vực này.

### 2. Chương trình thạc sĩ - Giáo dục tiếng Anh trẻ em

- Khoa Giáo dục Tiếng Anh trẻ em hệ cao học được tạo ra nhằm mục đích đào tạo những giáo viên tiếng Anh cho trẻ em có khả năng áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả, dựa trên đặc tính dễ dàng tiếp thu tiếng Anh từ khi còn nhỏ, với các chương trình giáo dục có hệ thống và khoa học. Chương trình đào tạo chú trọng vào các phương pháp tiếp cận, quy trình giảng dạy, kỹ thuật hướng dẫn, các hoạt động đa dạng và các phương pháp giảng dạy thực tế, giúp sinh viên có thể áp dụng hiệu quả trong công tác giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em.

### 3. Chương trình thạc sĩ - Hàng không du lịch

- Khoa Hàng không du lịch hệ cao học là khoa được tạo ra với lý do Hàn Quốc đã trở thành một trong 8 quốc gia hàng không hàng đầu thế giới và đóng vai trò chủ chốt trong thị trường vận chuyển hàng không toàn cầu, hiện đang có một bước tiến mạnh mẽ trong bối cảnh đại dịch COVID-19 chuyển sang giai đoạn hậu đại dịch. Hiện tại khoa đã sản xuất số lượng lớn nhân lực hàng không trong nước, đã mở các khóa học sau đại học nhằm đào tạo những nhân tài chuyên môn trong lĩnh vực hàng không và du lịch thông qua nghiên cứu học thuật và giáo dục. Chuyên ngành Phát triển Du lịch Hàng không không chỉ giúp sinh viên có được nền tảng học thuật vững chắc mà còn phát triển năng lực nghiên cứu liên ngành để đối phó với những thay đổi và thách thức trong ngành hàng không, đồng thời đào tạo các chuyên gia có khả năng dẫn dắt xã hội tương lai. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc như các nhà nghiên cứu chuyên ngành hàng không và du lịch, giảng viên đại học, hoặc chuyên gia tư vấn.

#### 4. Chương trình thạc sỹ - Thực phẩm dinh dưỡng

- Khoa Thực phẩm dinh dưỡng hệ cao học nhằm mục đích đào tạo những nhân tài sáng tạo, có năng lực nghiên cứu thực tế trong ngành công nghiệp thực phẩm (Total Manager). Khoa được tạo ra với đội ngũ giảng viên chuyên môn trong các lĩnh vực thực phẩm, dinh dưỡng, chế biến thực phẩm và ngành công nghiệp dịch vụ ăn uống, đồng thời sở hữu cơ sở hạ tầng phục vụ cho các thí nghiệm và thực hành. Sinh viên sẽ nhận được bằng thạc sĩ khoa học, đồng thời tham gia vào việc tái đào tạo các chuyên gia trong ngành thực phẩm và dịch vụ ăn uống, nghiên cứu và phát triển các đặc tính chất lượng thực phẩm, chức năng sinh lý, đặc tính chế biến thực phẩm, hành vi mua sắm trong ngành dịch vụ ăn uống và các biện pháp kích hoạt ngành này. Mục tiêu đào tạo các nhân tài phục vụ cho quốc gia và cộng đồng địa phương thông qua việc nghiên cứu và phát triển các đặc tính và tiềm năng của các nguồn tài nguyên đặc sản địa phương.

#### 5. Chương trình thạc sỹ - Phúc lợi xã hội

- Khoa Phúc lợi xã hội đào tạo các chuyên gia cung cấp sự hỗ trợ cần thiết cho cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng địa phương có vấn đề, nhằm nâng cao hạnh phúc và chất lượng cuộc sống của mọi người. Hơn nữa, khoa cung cấp một chương trình học đa dạng để giúp sinh viên thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình như một chuyên gia công tác xã hội, bao gồm các kỹ năng thực hành công tác xã hội cần thiết, lý thuyết về các hệ thống và chính sách công tác xã hội, phương pháp nghiên cứu, cũng như các khóa thực hành tại các địa phương. Bằng cách kết hợp lý thuyết và đào tạo thực tế lâm sàng, khoa đào tạo các nhân lực chuyên nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội.

#### 6. Chương trình thạc sỹ - Luật cảnh sát

- Khoa Luật Cảnh sát của Trường Đại học sau đại học phát triển nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cảnh sát công cộng và nhân viên bảo vệ, an ninh trong lĩnh vực tư nhân, thông qua việc trang bị kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn liên quan. Khoa cung cấp chương trình đào tạo chuyên môn để đối phó với tội phạm, vấn đề xã hội và các vấn đề an ninh. Đối với cảnh sát công cộng, chương trình giúp tăng cường khả năng thực thi thông qua việc hiểu rõ về các luật, chính sách và hệ thống liên quan đến cảnh sát, cũng như khả năng ngăn ngừa tội phạm và phản ứng tích cực để đáp ứng yêu cầu của cảnh sát tiên tiến trong thế kỷ 21. Đối với nhân viên bảo vệ và an ninh trong lĩnh vực tư nhân, chương trình đào tạo các kỹ năng như xây dựng hệ thống an ninh chặt chẽ, đánh giá và ứng phó với rủi ro, quản lý cơ sở hạ tầng an ninh, phát triển chính sách bảo mật doanh nghiệp. Khoa Luật Cảnh sát của Đại học Nữ Gwangju, thông qua việc thực hiện các mục tiêu đào tạo này, sẽ phát triển thành những nhà lãnh đạo sáng tạo và tương lai, có trách nhiệm bảo vệ tính mạng, tài sản và an ninh công cộng trong cả lĩnh vực công và tư.

#### 7. Chương trình thạc sỹ - Giáo dục tiếng Hàn

- Khoa Giáo dục Tiếng Hàn đào tạo các chuyên gia giáo dục tiếng Hàn với mục tiêu trang bị kiến thức chuyên sâu về giáo dục tiếng Hàn như một ngoại ngữ, cùng với sự hiểu biết sâu sắc về văn hóa Hàn Quốc, nhằm đóng góp vào sự toàn cầu hóa của tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc. Chương trình đào tạo tập trung vào thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của các môi trường giáo dục trong và ngoài nước, từ đó phát triển năng lực giảng dạy và nghiên cứu chuyên môn cho giáo viên tiếng Hàn. Hơn nữa, trong bối cảnh toàn cầu hóa và thời đại đa văn hóa, chương trình còn nhằm đào tạo nhân lực có khả năng giao tiếp liên văn hóa từ góc độ đa văn hóa. Theo các quy định của Luật Giáo viên Tiếng Hàn Quốc, chương trình đào tạo sẽ giúp sinh viên đạt được chứng chỉ giáo viên tiếng Hàn cấp 2 sau khi tốt nghiệp.

#### 8. (Hệ tiếng Anh) Chương trình thạc sỹ - TESOL

- Khoa Giáo dục Tiếng Anh đào tạo các chuyên gia giáo dục tiếng Anh có khả năng giảng dạy tiếng Anh một cách hiệu quả cho những người không sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ. Mục tiêu của chương trình là đào tạo các chuyên gia tiếng Anh có thể áp dụng các phương pháp tiếp cận, quy trình giảng dạy, kỹ thuật giảng dạy, các hoạt động đa dạng và các phương pháp giảng dạy thực tế phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa, đáp ứng yêu cầu của thời đại hiện nay.

#### 9. (Hệ tiếng Anh) Chương trình thạc sỹ - K-BEAUTY

- Khoa K-Beauty đang phát triển nhanh chóng trên toàn cầu, với các sản phẩm mỹ phẩm, trang điểm và kỹ thuật chăm sóc da của Hàn Quốc được đánh giá cao trong ngành công nghiệp làm đẹp quốc tế. Tại trung tâm của K-Beauty, chúng tôi cung cấp các chương trình đào tạo mới nhất theo xu hướng và tập trung vào thực hành, đặc biệt là tạo ra môi trường giáo dục toàn cầu phù hợp dành cho sinh viên quốc tế. Thông qua giáo dục chuyên sâu về K-Beauty, chúng tôi đào tạo các chuyên gia có năng lực cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

## LƯU Ý ỨNG TUYỂN

- ☐ Ứng viên phải đọc kỹ nội dung của hướng dẫn tuyển sinh này để đảm bảo không có sai sót trong việc nộp hồ sơ và tham gia kỳ thi tuyển sinh. Các vấn đề không được nêu trong hướng dẫn tuyển sinh sẽ tuân theo quy chế và nội quy của trường.
- ☐ Nếu phát hiện ứng viên sử dụng phương pháp gian lận hoặc làm giả hồ sơ để nhập học, việc nhập học sẽ bị hủy bỏ. Tất cả thông tin phải được điền chính xác, nếu có bất kỳ sai sót nào, ứng viên sẽ chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh.
- ☐ Những ứng viên không đầy đủ hồ sơ hoặc không đáp ứng đủ điều kiện tuyển sinh sẽ bị loại khỏi danh sách ứng viên.
- ☐ **Hồ sơ nộp khi đăng ký sẽ không được trả lại, và trường có thể yêu cầu thêm tài liệu nếu cần thiết.**
- ☐ Đơn đăng ký nhập học đã nộp không thể sửa đổi hay hủy bỏ, và lệ phí xét tuyển sẽ không được hoàn lại.
- ☐ Đối với ứng viên trúng tuyển, nếu không được cấp visa nhập cảnh vào Hàn Quốc, việc nhập học có thể bị hủy bỏ.

## ĐỒNG Ý THU THẬP VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN CÁ NHÂN

- ☐ Trường có thể sẽ thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của người đăng ký.
- ☐ Thông tin người đăng ký: tên, địa chỉ, số điện thoại, email, thông tin người đăng ký, năm tốt nghiệp (dự kiến), số tài khoản, v.v.
- ☐ Thông tin người bảo hộ: tên, mối quan hệ, địa chỉ, số điện thoại, v.v.
- ☐ Thông tin trường học: tên trường học
- ☐ Thông tin cá nhân được thu thập sẽ không được sử dụng cho các mục đích nào khác ngoài các mục đích liên quan đến nhập học, học bổng, thống kê. Các thông tin cá nhân không cần thiết khi hết thời gian lưu trữ hoặc đã hoàn thành mục đích thu thập sẽ được xử lý xóa bỏ.
- ☐ Tham khảo đơn “đồng ý cho thu thập thông tin cá nhân” để biết chi tiết về các thông tin cá nhân sẽ được trường thu thập.

## BẢN ĐỒ



- 1호관: 무등관 (Tòa nhà Mu-deng gwan)  
 2호관: 황룡관 (Tòa nhà Hwang-ryong gwan)  
 3호관: 어등관 (Tòa nhà Eo-deung gwan)  
 4호관: 정보통신관 (Tòa nhà Thông tin)

대학본부: Tòa hành chính

도서관: Thư viện

운동장: Sân vận động ngoài trời

기숙사: Ký túc xá

체육관: Sân vận động trong nhà

## ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

주소 (우편번호)62396, 광주광역시 광산구 광주여대길 22  
 광주여자대학교 국제교육원

Address (Zip code)62396, International Education Center, 22  
 Gwangju yeodae-gil, Gwangsan-gu, Gwangju, KOREA

Email kwiiec@kwu.ac.kr

(Hệ tiếng Hàn)  
 +82-62-950-3931  
 (Hệ tiếng Anh)  
 +82-62-950-3576